

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-PT.

Ngày: 03/01/2025.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Phượng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng.

Ông Nguyễn Hữu Thịnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Mẫn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Ông Lương Quốc Phòng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 216/2024/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 133/2024/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh N, sinh năm 1961; địa chỉ: Số B, N, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Duy T; sinh năm: 1984; địa chỉ: Số A, T, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 01 năm 2024).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân G, sinh năm 1975; Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thành Q, Văn phòng L và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Mai Thị Thu H; sinh năm: 1978; địa chỉ: Số G, Đ, khối phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Người kháng cáo: bị đơn ông Nguyễn Xuân G.

(Ông T, ông G, bà H có mặt còn ông Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/02/2023, ông Nguyễn Xuân G có vay của bà N số tiền 1.155.000.000 (một tỷ một trăm năm mươi lăm triệu) đồng để trả nợ riêng, ông G có viết giấy mượn

tiền và hẹn đến ngày 30/3/2023 sẽ trả. Tuy nhiên cho đến nay, ông G vẫn chưa trả số tiền trên cho bà N. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông G trả cho bà 1.312.370.000 (một tỷ ba trăm mười hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn) đồng, trong đó: nợ gốc 1.155.000.000 đồng, nợ lãi 157.370.000 đồng (tính từ tháng 4/2023 đến ngày 12/8/2024).

Phía bị đơn trình bày:

Vào tháng 02/2023, ông G và bà Mai Thị Thu H đến nhà bà N để vay số tiền 1.155.000.000 đồng. Ông G không nhận tiền mà bà H nhận tiền. Sau đó, bà N gọi điện yêu cầu ông G đến viết giấy mượn tiền. Bà H sử dụng số tiền này để trả nợ cho Công ty M (đây là tài sản chung của ông G và bà H trong thời kỳ hôn nhân). Khoảng 10 ngày sau, bà N thông báo cho ông G biết bà H đã trả khoản nợ trên. Ông G cho rằng trước đó không có sao kê tài khoản, nên ông nghĩ số tiền này là mượn của bà N. Tuy nhiên, sau khi có sao kê từ Ngân hàng, ông G phát hiện trong cùng ngày 13/02/2023, bà H đã chuyển cho bà N 900.000.000 đồng và rút 225.000.000 đồng từ tài khoản của bà tại Ngân hàng, số tiền này trùng khớp với số tiền đã vay của bà N tại thời điểm đó là 1.155.000.000 đồng. Do đó ông G cho rằng số tiền trên là của bà H chuyển cho bà N để cho ông mượn chứ ông không nợ bà N.

Do đó, ông G không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết có hay không khoản nợ nêu trên giữa ông và bà N, việc xác định khoản nợ trên là nợ chung hay nợ riêng trong thời kỳ hôn nhân sẽ được giải quyết bằng vụ án chia tài sản chung giữa ông và bà H.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Thu H:

Trước đây, ông G nhờ bà H hỏi mượn bà N tiền để trả nợ riêng của mình, nhưng bà N không đồng ý. Sau đó, ông G trực tiếp mượn tiền từ bà N. Bà H cho rằng bà không liên quan đến khoản nợ của Công ty M và không có trả nợ cho bà N như ông G đã khai. Bà H khẳng định số tiền 1.155.000.000 đồng mà ông G mượn không phải là tiền của bà. Bà H thừa nhận có chuyển khoản cho bà N 900.000.000 đồng vào ngày 13/02/2023 nhưng là để trả nợ cho bà N, đối với số tiền 225.000.000 đồng rút từ Ngân hàng N1 là dùng cho công việc riêng của bà, bà không dùng số tiền trên để trả nợ tại Ngân hàng A. Việc ông G mượn tiền của bà N để trả nợ cho Công ty M là nghĩa vụ của ông G, vì đây là tài sản riêng của ông, không liên quan đến bà nên ông G phải có nghĩa vụ phải trả toàn bộ số tiền trên cho bà N.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 216/2024/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thanh N về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Xuân G.

Buộc ông Nguyễn Xuân G phải trả cho bà Hồ Thị Thanh N tổng số tiền là 1.312.370.000 (Một tỷ, ba trăm mười hai triệu, ba trăm bảy mươi nghìn) đồng. Trong

đó: nợ gốc 1.155.000.000 đồng, tiền lãi 157.370.000 đồng.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng tại Quyết định số 11/2023/QĐ-BPKCTT ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/8/2024, bị đơn ông Nguyễn Xuân G có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Ông G thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền là của ông. Ông không có chứng cứ gì để chứng minh bà H đã trả cho bà N số tiền trên. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông G cũng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh số tiền bà N cho ông vay là của bà H. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông G, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 216/2024/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Xuân G thì thấy:

- Về thủ tục tố tụng: Việc kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Xuân G được thụ lý đúng điều kiện, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên kháng cáo là hợp pháp.

[3] Về nội dung:

Bà Hồ Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Xuân G phải trả số tiền 1.312.370.000 đồng, trong đó: nợ gốc 1.155.000.000 đồng theo giấy mượn tiền lập ngày 13/02/2023 có chữ ký của ông Nguyễn Xuân G và nợ lãi phát sinh tính đến ngày xử sơ thẩm là 157.370.000 đồng. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm ông G không có ý kiến gì đối với giấy mượn tiền nêu trên. Ông G thừa nhận đầu tháng 2 năm 2023 ông và bà H có vay của bà N số tiền 1.155.000.000 đ nhưng sau đó khoảng 10 ngày bà N thông báo bà H đã trả số nợ trên. Nếu bà N xác nhận bà H chưa

trả số tiền trên thì ông sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ. Sau đó ông G thay đổi lời khai. Theo trình bày của ông G, số tiền trên ông không trực tiếp nhận mà do bà Mai Thị Thu H nhận và đến Ngân hàng A để thanh toán khoản nợ đến hạn của Công ty M. Ông G cho rằng số tiền trên là của bà H chuyển khoản cho bà N 900.000.000 đồng, sau đó bà N rút tiền mặt và giao lại cho bà H chứ không phải tiền của bà N. Bà H rút thêm tiền trong tài khoản là 255.000.000 đồng để đủ số tiền 1.155.000.000 đồng trả nợ cho Ngân hàng A. Chứng cứ ông G đưa ra để chứng minh cho ý kiến của ông là sao kê tài khoản Ngân hàng của bà H và bà N. Như vậy thực tế số tiền 1.155.000.000 đồng không phải là tiền của bà N nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc buộc ông phải trả số tiền nêu trên. **Hội đồng xét xử nhận thấy:**

- Mặc dù sao kê tài khoản Ngân hàng của bà N và bà H thể hiện, vào ngày 13/02/2023 (khoảng 11 giờ 15 phút) bà H có chuyển cho bà N số tiền 900.000.000 đồng và bà H rút tiền từ tài khoản của mình với số tiền là 225.000.000 đồng, tổng cộng là 1.155.000.000 đồng, số tiền này trùng khớp với số tiền ghi trên giấy mượn tiền giữa bà N và ông G, trùng khớp với số tiền mà bà H đã thay ông G trả khoản nợ của Công ty M tại Ngân hàng A vào ngày 13/02/2023. Tuy nhiên, cả bà N và bà H đều không thừa nhận số tiền 900.000.000 đồng là của bà H chuyển cho bà N để bà N giao lại cho ông G vay. Theo lời khai của bà N và bà H, số tiền mà bà H trả cho bà vào ngày 13/02/2023 là tiền bà H trả nợ cho bà do bà H nợ trước đó. Bà H khai việc rút số tiền 255.000.000 đồng vào ngày 13/02/2023 là để thực hiện các giao dịch liên quan đến công việc của bà, bà không dùng số tiền trên để trả nợ tại Ngân hàng A như lời ông G khai. Ông G không có chứng cứ gì để chứng minh số tiền bà N cho ông vay theo giấy vay nợ thực tế là của bà H, cũng không có chứng cứ chứng minh số tiền bà H rút số tiền 255.000.000 đồng từ tài khoản của bà H để trả món vay của Ngân hàng A. Ông G khai số tiền 1.155.000.000 đồng bà H đã trả cho bà N nhưng cả bà N khẳng định ông G còn nợ bà số tiền trên. Ông G không có chứng cứ gì để chứng minh bà H đã trả cho bà N số tiền 1.155.000.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy không có căn cứ để xác định bà H đã trả số tiền nêu trên cho bà N cũng như khoản tiền 1.150.000.000 đồng là tiền mà bà H chuyển cho bà N để cho ông G mượn theo như trình bày của ông G. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N về việc buộc ông G phải trả khoản nợ theo giấy mượn tiền lập ngày 13/02/2024 là có cơ sở.

Đối với số tiền lãi là 157.370.000 đồng, bà N tính từ thời điểm tháng 4/2023 đến ngày 12/8/2024, mức lãi suất 0,833%/tháng là phù hợp. Do đó, yêu cầu của bà N về việc trả tiền gốc và lãi với tổng số tiền 1.312.370.000 đồng là có cơ sở và phù hợp theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày xét xử sơ thẩm đến ngày xét xử phúc thẩm, tuy nhiên yêu cầu vượt quá phạm vi của xét xử phúc thẩm nên HĐXX phúc thẩm không chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông G có yêu cầu bà H cùng có nghĩa vụ trả khoản nợ trên trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông G chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết có hay không khoản nợ nêu trên giữa ông và bà N, còn việc xác định khoản nợ trên là nợ chung hay nợ riêng trong thời kỳ hôn nhân sẽ được giải quyết bằng vụ án chia tài sản

chung giữa ông và bà H. Mặt khác, bà N cũng chỉ yêu cầu một mình ông G thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, trong vụ án này, HĐXX cấp sơ thẩm chỉ xem xét nghĩa vụ của ông G đối với giao dịch vay tài sản của bà N là có căn cứ. Vấn đề này sẽ được ông G yêu cầu giải quyết trong vụ án khác nếu có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thanh N là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn ông Nguyễn Xuân G phải chịu án phí DS-PT theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Xuân G, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 216/2024/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T.

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thanh N về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với ông Nguyễn Xuân G.

Buộc ông Nguyễn Xuân G phải trả cho bà Hồ Thị Thanh N tổng số tiền là 1.312.370.000đ (*Một tỷ ba trăm mười hai triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng*). Trong đó: nợ gốc 1.155.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/8/2024 là 157.370.000 đồng.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng tại Quyết định số 11/2023/QĐ-BPKCTT ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2]. Về án phí:

Án phí DS-ST: Ông Nguyễn Xuân G phải chịu là 51.371.000đ (*Năm mươi một triệu, ba trăm bảy mươi một nghìn đồng*).

Án phí DS-PT: Ông Ông Nguyễn Xuân G phải chịu là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001501 ngày 26/8/2024 của Chi cục thi hành án thành phố T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND TP. Tam Kỳ;
- Chi cục THADS TP. Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Minh Phượng